TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:09/2019/DS-ST
Ngày 20/6/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Thanh**;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Khả Hòa**, ông **Phạm Văn Miền**

-Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thị Thuý** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Tâm** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/6/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc " tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị H,** sinh năm 1982,
Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (có mặt)
- Bị đơn: Bà **Tống Thị C**, sinh năm 1970,
Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

-Theo nguyên đơn chị Trương Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết và là Hng xóm, ngày 25/7/2013 âm lịch, bà Tống Thị C có vay của tôi 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất, và hẹn đến ngày 25/10/2013 âm lịch sẽ trả hết cho tôi. Hai bên có viết giấy mượn tiền, bà C có ký tên vào dưới giấy mượn tiền.

Nhưng đến hẹn bà C không trả cho tôi đúng như cam kết, tôi yêu cầu bà C trả thì bà C mới trả cho tôi 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng) nợ gốc làm nhiều lần, cụ thể như sau:

-Ngày 25/01/2014: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng)
-Ngày 25/02/2014: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng)
-Ngày 25/3/2014: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

-Ngày 25/4/2014: Trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng)
-Ngày 25/6/2014: Trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng)
-Ngày 26/7/2014 âm lịch: Trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng)
-Ngày 27/8/2014 âm lịch: Trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng)
-Ngày 30/5/2015 âm lịch: Trả 2.000.000đ (Hai triệu đồng)
-Ngày 30/7/2015 âm lịch: Trả 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Như vậy, số tiền bà C còn nợ lại là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) nợ gốc, và từ đó đến nay bà C không trả thêm cho tôi số tiền nào nữa. Vì vậy, nay tôi yêu cầu bà C trả cho tôi số tiền nợ gốc là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) và tiền lãi suất trên số tiền 42.000.000đ tính kể từ ngày 30/7/2015 âm lịch theo quy định của pháp luật và yêu cầu bà C trả cho tôi làm 1 lần.

Về án phí: Đề nghị Toà án giải quyết theo định của pháp luật.

-Theo bị đơn bà Tống Thị C trình bày:

Tôi có quan hệ quen biết với chị Trương Thị H.Tôi công nhận có vay của chị H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), có viết giấy mượn tiền, có thỏa thuận miệng lãi suất 5%/tháng, mượn vào ngày 25/7/2013 âm lịch, hẹn đến ngày 25/10/2013 âm lịch sẽ trả đủ cả gốc và tiền lãi suất. Giấy mượn tiền do tôi viết.

Trong thời gian từ khi mượn tiền đến ngày 30/7/2015 âm lịch, tôi đã trả cho chị H tổng cộng số tiền nợ gốc là 58.000.000đ đúng như chị H đã trình bày và 35.000.000đ tiền nợ lãi. Hiện số tiền gốc còn nợ lại là 42.000.000đ.

Nay vì điều kiện hoàn cảnh của tôi hiện tại khó khăn nên không thể trả 1 lần cho chị H được. Tôi đề nghị trả cho chị H số tiền nợ gốc 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) làm nhiều lần, mỗi tháng tôi trả 1.000.000đ vào ngày 30 Hng tháng, thời gian bắt đầu trả là ngày 30/4/2019 cho đến khi trả hết nợ và xin chị H không phải trả tiền lãi suất nữa. Còn nếu chị H muốn lấy 01 lần thì chị H cứ lên nH tôi, chị H muốn lấy tài sản gì thì tôi nhất trí thanh lý tài sản đó trả đầy đủ tương đương với số tiền tôi nợ chị H. Còn số tiền lãi tôi đã trả cho chị H, nhưng tôi không có chứng cứ chứng minh và trong giấy vay tiền cũn không thỏa thuận trả tiền lãi, nên tôi không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất.

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:*

-02 Giấy CMND + 02 Sổ hộ khẩu (phô tô)
-01 Giấy mượn tiền (phô tô) và 01 Giấy mượn tiền (bản gốc)
-01 Giấy ghi trả nợ tiền (phô tô) và 01 Giấy mượn tiền (bản gốc)

Tại phiên tòa:

+Ý kiến của các đương sự:

-Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không cung cấp thêm chứng cứ;

-Bị đơn giữ nguyên ý kiến đề nghị đã trình bày có trong hồ sơ, không cung cấp thêm chứng cứ;

Các bên bên đương sự không thoả thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án; Không yêu cầu đưa thêm đương sự, người tham gia tố tụng khác tham gia tố tụng.

+Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

-Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều bảo đảm theo quy định của pháp luật.

-Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Tống Thị C trả **57.779.960đ**
Bao gồm nợ gốc là 42.000.000đ và nợ lãi phát sinh **15.779.960đ** cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn bà Tống Thị C phải chịu án phí theo quy định là **57.779.960đ x 5% = 2.888.998đ** để sung quỹ NH nước và tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

(Có văn bản phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên kèm theo hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày tại phiên toà của nguyên đơn thể hiện: Ngày 25/7/2013 âm lịch, bà Tống Thị C có vay của chị Trương Thị H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), có làm giấy vay tiền và có ghi ngày 25/10/2013 âm lịch sẽ trả hết, không ghi thỏa thuận lãi suất. Đến thời hạn trả, nhưng bà C không trả hết cho chị H, mà sau đó có trả nhiều lần tổng cộng là 58.000.000đ, đến nay còn nợ 42.000.000đ, nên chị H khởi kiện yêu cầu buộc bà C trả 42.000.000đ nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính từ ngày 30/7/2015 âm lịch dứt điểm một lần.

Nhận thấy bị đơn bà Tống Thị C không thực hiện trả nợ theo cam kết thoả thuận, dẫn đến nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do đó Toà án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu trả nợ gốc của nguyên đơn: Do bị đơn bà Tống Thị C không trả đầy đủ tiền vay nợ đúng theo thời hạn đã thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Trương Thị H. Nên chị H khởi kiện yêu cầu bà C trả 42.000.000đ nợ gốc là có căn cứ. Do đó căn cứ vào các Điều 274, 275, 278, 280, của Bộ luật dân sự năm 2015, cần buộc bà C phải trả 42.000.000đ nợ gốc cho chị H theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn chị Trương Thị H yêu cầu buộc bị đơn bà Tống Thị C trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 42.000.000đ theo pháp luật quy định tính từ ngày 30/7/2015 âm lịch.

Nhận thấy trong giấy mượn tiền ghi ngày mượn 25/7/2013 và ghi ngày trả là 25/10/2013 âm lịch và không ghi thỏa thuận trả tiền lãi, nhưng đến hạn bị đơn không trả đầy đủ mà trả làm nhiều lần và lần trả cuối cùng trước khi nguyên đơn khởi kiện là ngày 30/7/2015 âm lịch. Nay nguyên đơn chị Trương Thị H yêu cầu bị đơn bà Tống Thị C trả tiền lãi phát sinh theo pháp luật quy định tính từ ngày 30/7/2015 âm lịch (ngày 12/9/2015

dương lịch) là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số:01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số:01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; cần buộc bị đơn bà Tống Thị C phải trả tiền lãi trên số nợ gốc quá hạn tính từ ngày 30/7/2015 âm lịch (12/9/2015 dương lịch) đến ngày 20/6/2019, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và được hướng dẫn tại khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số:01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định tính mức lãi suất đối với hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn không trả hoặc trả không đầy đủ là: 20%/ năm x 50% = 10%/năm, tính ra mức lãi suất/ tháng là: 10%/năm : 12 = 0,83%/tháng.

Như vậy bị đơn bà Tống Thị C phải trả tiền lãi trên số nợ gốc quá hạn tính từ ngày 30/7/2015 âm lịch (12/9/2015 dương lịch) đến ngày 20/6/2019 (ngày xét xử) là:

42.000.000đ x 0,83%/tháng x 45 tháng 8 ngày = **15.779.960đ**

*Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

42.000.000đ + 15.779.960đ = **57.779.960đ**

(Năm mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi đồng)

[4]Về đề nghị của bị đơn: Bị đơn bà Tống Thị C trình bày, công nhận hiện còn nợ chị H 42.000.000đ, nhưng đang khó khăn, không thể trả hết 1 lần, đề nghị được trả theo từng tháng, mỗi tháng trả 1.000.000đ vào ngày 30 Hng tháng cho đến khi trả hết nợ và xin không phải trả tiền lãi.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà các bên đã được giải thích quyền, nghĩa vụ và thuyết phục, hòa giải để tự thực hiện quyền định đoạt của trong việc giải quyết vụ án, nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, nên Hội đồng xét xử cần thiết phải ra bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

-Buộc bị đơn bà Tống Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ NH nước theo pháp luật quy định cụ thể là : 57.779.960đ x 5% = **2.888.998đ**

-Tuyên trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn chị Trương Thị H theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 144, 147, và các Điều 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Các Điều 274, 275, 278, 280, 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

+Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị H.

+Buộc bà Tống Thị C trả cho nguyên đơn chị Trương Thị H tiền nợ gốc và tiền lãi là **57.779.960đ** *(Năm mươi bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn chín trăm sáu mươi đồng)*, trong đó tiền nợ gốc 42.000.000đ và tiền lãi là 15.779.960đ.

+Buộc bà Tống Thị C phải chịu **2.888.998đ** *(Hai triệu tám trăm tám mươi tám ngàn chín trăm chín mươi tám đồng)* án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nH nước.

+Trả lại cho chị Trương Thị H 1.480.500đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003046 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành ánhuyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp cơ quan thi hành áncó quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành áncủa người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành ándân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/6/2019) lên Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai để xin xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Thanh

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS cung cấp;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.